

Bản án số: 269/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1060/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn Đ, sinh năm: 1976; địa chỉ: 154 khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện Nh, tỉnh N (*Vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Hoàng O, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 27/2Đ, đường 209, tổ 6, ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 13/5/2020, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Đinh Văn Đ trình bày: Ông và bà Trần Thị Hoàng O tự nguyện sống chung từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 45 ngày 03/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống thuận hòa, hạnh phúc được 05 tháng. Cho đến tháng 01/2020 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân do hai bên không chung quan điểm sống, định hướng nghề nghiệp khác nhau. Mặc khác do quá trình tìm hiểu trước hôn nhân chưa được kỹ lưỡng nên hai bên chưa hiểu được hết tính cách của nhau, thường xuyên cãi vã.

Ông đã nhiều lần hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành, ông nhận thấy mục đích hôn nhân không thể đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà O.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định trong quá trình sống chung, ông và bà O có 02 con chung tên Đinh Thị Hoàng M, sinh ngày: 10/10/2005 và Đinh Thị L, sinh ngày: 11/02/2012. Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 trẻ Hoàng M và L, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại: Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 13/5/2020 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, nguyên đơn ông Đinh Văn Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Hoàng O.

Về hôn nhân:

Ông Đinh Văn Đ và bà Trần Thị Hoàng O tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 45 ngày 03/5/2006, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không còn niềm tin lẫn nhau. Ông đã nhiều lần hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Ông và bà O không thể sống chung được nữa, nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà O. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy không có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đinh Văn Đ và bà Trần Thị Hoàng O là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung:

Tại đơn khởi kiện, ông Đông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đinh Thị L, sinh ngày: 11/02/2012 và Đinh Thị Hoàng M, sinh ngày: 10/10/2005. Tuy nhiên, ngày 06/11/2020, ông Đ đã gửi văn bản về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, thể hiện cả 02 con chung đang sống cùng bà O, để ổn định cuộc sống của 02 trẻ L và Hoàng M, ông đồng ý để con chung tiếp tục sống chung với bà O và không cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, bản sao giấy khai sinh số 88/2006 ngày 21/6/2006 và bản sao giấy khai sinh số 23 ngày 07/3/2012 xác định ông Đ và bà O có 02 con chung tên: Đinh Thị L, sinh ngày: 11/02/2012 và Đinh Thị Hoàng M, sinh ngày: 10/10/2005. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn xác định 02 trẻ L và Hoàng M hiện đang sống chung với bà O. Như vậy, để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 trẻ L và Hoàng M cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh Văn Đ.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Đinh Văn Đ và bà Trần Thị Hoàng O.

(Quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn Đ và bà Trần Thị Hoàng O được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 45 ngày 03/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 (hai) con chung tên Đinh Thị L, sinh ngày: 11/02/2012 và Đinh Thị Hoàng M, sinh ngày: 10/10/2005 cho bà Trần Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc ông Đinh Văn Đ phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0084690 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ

